TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2021/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 15 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 1493/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, theo quyết định mở phiên họp số: 10/2021/QĐMPH – VDS ngày 04 tháng 6 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972 và bà Lê Thị T, sinh năm 1980; cùng nơi thường trú: Số 153B, ấp An Mỹ, xã S, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 19 tháng 11 năm 2020, quá trình tố tụng người yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T trình bày:

Ông B và bà T tự nguyện chung sống từ năm 1996 đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 25/4/1996. Tại thời điểm đăng ký kết hôn do có sự nhầm lẫn nên bà T đã khai năm sinh là 1978 nên đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này bà T đã đi cải chính hộ tịch với ngày tháng năm sinh chính xác là ngày 23/4/1980 nên ngày 25/4/1996 bà T đăng ký kết hôn với ông B khi mới được 16 tuổi 02 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, bà T đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật. Do đó, ông B và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T do kết hôn trái pháp luật

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 cấp ngày 25/4/1996 tại UBND xã S, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và công nhận hôn nhân được xác lập kể từ thời điểm ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống ông B và bà T có hai người con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 09/4/1997 và Nguyễn T, sinh ngày 25/7/2001. Ông B và bà T không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, không còn yêu cầu gì khác, đề nghị được giải quyết vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại Công văn số 203/UBND-NC ngày 04/5/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Thuận An có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972 và bà Lê Thị T, sinh năm 1980: Qua tra cứu hồ sơ đăng ký kết hôn năm 1996, UBND xã chỉ còn lưu giữ giấy khai đăng ký kết hôn tại thời điểm ngày 10/4/1996 (do ông B, bà T lập và có xác nhận của địa phương) có ghi nhận thông tin: Ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 06/4/1972 và bà Lê Thị T, sinh ngày 23/4/1978, có thường trú tại xã S và chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ theo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Ủy ban nhân dân xã S đã tiến hành đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T.

Đối với yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, Ủy ban nhân dân xã S nhận thấy yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là phù hợp và đúng với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành. Ủy ban nhân dân xã S đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự nêu trên đúng theo quy định của luật hôn nhân và gia đình hiện hành, tạo điều kiện công nhận hôn nhân được xác lập kể từ thời điểm bà Lê Thị T đủ điều kiện kết hôn. Ủy ban nhân dân xã S đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết việc dân sự.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận: Tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T kể từ ngày 23 tháng 4 năm 1998, là ngày bà T đủ 18 tuổi theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các quan hệ khác về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Năm 1996, ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T có nơi cư trú tại xã S, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/4/1996. Ngày 19/11/2020, ông B, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân được xác lập kể từ thời điểm ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 29, Điểm b Khoản 2 Điều 35 và Điểm g Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 6 Điều 3, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Theo hướng dẫn tại Khoản 4, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Khi xem xét, giải quyết yêu cầu liên quan đến việc hủy kết hôn trái pháp luật thì Tòa án phải căn cứ vào quy định của Pháp luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân để xác định việc kết hôn có trái pháp luật hay không"*. Ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T kết hôn ngày 25/4/1996, được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để xem xét giải quyết.

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt người yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S nhưng đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T thấy rằng: Ông B và bà T tự nguyện kết hôn, làm giấy khai đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/1996 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) và được Ủy ban nhân dân xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 25/4/1996.

Tại các tài liệu do Ủy ban nhân dân xã S cung cấp bao gồm: Giấy khai đăng ký kết hôn ngày 10/4/1996 có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) và trích lục kết hôn (trước khi bà T cải chính hộ tịch) thể hiện ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 06/4/1972, bà Lê Thị T, sinh ngày 23/4/1978. Tuy nhiên, căn cứ theo Công văn số 203/UBND-NC ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã S và các tài liệu, chứng cứ do người yêu cầu bà Lê Thị T cung cấp như: Trích lục khai sinh, Giấy chứng minh nhân dân, trích lục cải chính hộ tịch, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con chung, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ việc dân sự xác định ngày tháng năm sinh chính

xác của bà Lê Thị T là ngày 23 tháng 4 năm 1980. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 25/4/1996) thì ông B được 24 tuổi 19 ngày, đủ tuổi đăng ký kết hôn, bà T mới được 16 tuổi 02 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm vào Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Căn cứ Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, ông B và bà T có yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là phù hợp.

Xét yêu cầu của của ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T về việc công nhận hôn nhân được xác lập kể từ thời điểm ông B và bà T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thấy rằng: Căn cứ Khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này*." Đồng thời, căn cứ hướng dẫn tại Điểm a Khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"a) Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên có đủ điều kiện kết hôn"*. Thời điểm bà T đủ điều kiện kết hôn theo quy định là khi bà T đủ 18 tuổi. Bà T sinh ngày 23 tháng 4 năm 1980 đến ngày 23/4/1998 bà T đủ 18 tuổi. Dó đó, cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T được xác lập từ ngày 23 tháng 4 năm 1998.

Các quan hệ khác về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 29, Điểm b Khoản 2 Điều 35, Điểm g Khoản 2 Điều 39, Điều 143, Khoản 1 Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 5, Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 cấp ngày 25 tháng 4 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương).

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T được xác lập kể từ ngày 23 tháng 4 năm 1998.

Ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc ghi chú vào Sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

3. Về lệ phí: Người yêu cầu không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông B áo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã S, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Tuyết Ánh